

Số: /SVHTTDL-VP
V/v xin ý kiến đối với dự thảo Đề án
Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2022

Lai Châu, ngày tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 10/2019/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2018/TT-BVHTTDL ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao;

Căn cứ các Thông tư Liên tịch của liên bộ Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ: Số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17 tháng 10 năm 2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục Thể thao; số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nghệ thuật biểu diễn và Điện ảnh; số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 7 năm 2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Văn hóa cơ sở; số 07/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Mỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 8 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh Lai Châu;

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2022 như sau: *(có dự thảo Kế hoạch kèm theo)*.

Để bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan, dân chủ, chất lượng và đúng pháp luật, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính đề nghị Sở Nội vụ cho ý kiến vào nội dung dự thảo Đề án. Ý kiến tham gia của quý cơ quan đề nghị gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch trước ngày 29/9/2022 để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Lan.

GIÁM ĐỐC

Lương Chiến Công

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐA –SVHTTDL
(DỰ THẢO)

Lai Châu, ngày tháng 9 năm 2022

ĐỀ ÁN

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
từ hạng IV lên hạng III năm 2022**

Phần I

CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Cơ sở pháp lý

- Luật Viên chức ngày 15/11/ 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;
- Thông tư số 10/2019/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật;
- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục Thể thao;
- Thông tư số 23/2018/TT-BVHTTDL ngày 21/8/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao;
- Thông tư số 02/2022/TT - BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Thư viện;
- Thông tư số 16/2021/TT - BVHTTDL ngày 22/12 /2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Di sản văn hóa;

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nghệ thuật biểu diễn và Điện ảnh;

- Thông tư số 03/2022/TT – BVHTTDL ngày 7/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành Văn hóa cơ sở;

- Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30/6/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Mỹ thuật;

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

- Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND, ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh Lai Châu.

- Quyết định số 88 /QĐ-SVHTTDL ngày 21 /4/2022 của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Lai Châu về việc giao số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 161/2018/NĐ - CP cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch năm;

II. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Hiện nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có 4 đơn vị sự nghiệp công lập với tổng số viên chức được giao là 155 viên chức. Trong những năm gần đây, thực hiện các quy định của pháp luật, Sở chỉ đạo các đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo chức danh nghề nghiệp và trình độ đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao; thực hiện việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân công nhiệm vụ và quản lý viên chức theo vị trí việc làm.

Ngày 25/9/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đó hướng dẫn cụ thể việc thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, trong đó tại khoản 3 Điều 33 quy định “Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định về chỉ tiêu thăng hạng và tổ chức hoặc phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III và hạng IV”.

Việc xây dựng Đề án “Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức các chuyên ngành: Di sản, Thể

dục Thể thao, Nghệ thuật biểu diễn và Điện ảnh, Mỹ thuật, Văn hóa cơ sở năm 2022 là cần thiết để góp phần nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ viên chức hiện có của Sở, đáp ứng đúng yêu cầu công việc tại vị trí việc làm đang được phân công đồng thời thực hiện tốt chế độ chính sách cho viên chức.

Phần II

MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

I. Mục tiêu của Đề án

Thực hiện chế độ chính sách đối với đội ngũ viên chức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đã có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, phù hợp với vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi

Quy định việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp lĩnh vực văn hóa, di sản, thể thao thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Đối tượng

Viên chức hiện đang làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã được bổ nhiệm và đang giữ chức danh nghề nghiệp:

- Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV, mã số V.10.07.24 theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT - BVHTTDL. Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của các chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III, mã số V.10.07.23.

- Hướng dẫn viên hạng IV, mã số V.10.01.04 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV. Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên hạng III, mã số V.10.01.03.

- Di sản viên hạng IV, mã số V.10.05.18 theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL. Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III, mã số V.10.05.17.

- Diễn viên hạng IV, mã số V.10.04.15 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV. Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của các chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III, mã số V.10.04.14.

- Họa sĩ hạng IV, mã số V.10.08.28 theo quy định tại thông tư liên tịch 07/2016/TTLT – BVHTTDL – BNV. Có khả năng đảm nhận hoặc làm việc ở vị trí phù hợp với chức trách nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp Họa sĩ hạng III, mã số V.10.08.27

Phần III

SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, CƠ CẤU HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ NHU CẦU ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG

I. Số lượng, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp hiện có

Hiện nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có 4 đơn vị sự nghiệp công lập với tổng số viên chức có mặt là 142 viên chức. Trong đó có 4/4 đơn vị cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp với 66/142 viên chức đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp chiếm 46,5%. Cụ thể như sau:

- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao: Số lượng viên chức hiện có là 22 người, trong đó có 01 Huấn luyện viên hạng II; 13 Huấn luyện viên hạng III; 03 Hướng dẫn viên hạng IV; 01 viên chức chưa bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp; 04 viên chức hành chính.

- Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật: Số lượng viên chức hiện có là 83 người, trong đó có 31 diễn viên hạng IV; 01 Biên tập viên hạng III; 01 hướng dẫn viên hạng IV; 01 họa sĩ viên hạng IV; 1 kỹ thuật dựng phim hạng IV; 4 tuyên truyền viên chính (chưa có thông tư hướng dẫn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp); 16 tuyên truyền viên (chưa có thông tư hướng dẫn bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp); 21 viên chức chưa bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; 7 viên chức hành chính.

- Thư viện tỉnh: Số lượng viên chức hiện có là 17 người, trong đó 3 Thư viện viên hạng III; 1 Thư viện viên hạng IV; 10 viên chức chưa bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; 3 viên chức hành chính.

- Bảo tàng tỉnh: Số lượng viên chức hiện có là 20 người, trong đó có 01 Di sản viên hạng II; 7 Di sản viên hạng III; 01 hướng dẫn viên văn hóa hạng III; 2 hướng dẫn viên văn hóa hạng IV; 5 viên chức chưa bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và 4 viên chức hành chính.

II. Số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm

Trên cơ sở vị trí việc làm cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức xây dựng năm 2022. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm là 65 người, cụ thể như sau:

- Chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17) còn thiếu so với vị trí việc làm là 2 người.

- Chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III (mã số V.10.07.23) còn thiếu so với vị trí việc làm là 2 người.

- Chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III (mã số V.10.02.06) còn thiếu so với vị trí việc làm là 8 người.

- Chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên hạng III (mã số V.10.01.03) còn thiếu so với vị trí việc làm là 4 người.

- Chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III (mã số V.10.04.14) còn thiếu so với vị trí việc làm là 28 người.

- Chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III (mã số V.10.03.10) còn thiếu so với vị trí việc làm là 3 người.

- Chức danh nghề nghiệp Họa sĩ hạng III (mã số V.10.08.27) còn thiếu so với vị trí việc làm 3 người.

- Ngạch tuyên truyền viên (mã số 17.178) còn thiếu so với vị trí việc làm 15 người.

III. Nhu cầu đăng ký xét thăng hạng

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện rà soát nhu cầu đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với 4/4 đơn vị cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp năm 2022. Số viên chức có nhu cầu đăng ký dự xét là 39 người/142 người, chiếm 27,5%. Cụ thể như sau:

- Thăng hạng lên chức danh Di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17): 02 người.

- Thăng hạng lên chức danh Hướng dẫn viên văn hóa hạng III (mã số V.10.07.23): 01 người.

- Thăng hạng lên chức danh Huấn luyện viên hạng III (mã số V.10.01.03): 04 người.

- Thăng hạng lên chức danh Diễn viên hạng III (mã số V.10.04.14): 12 người.

- Thăng hạng lên chức danh Đạo diễn nghệ thuật hạng III (mã số V.10.03.10): 2 người

- Thăng hạng lên chức danh Họa sĩ hạng III (mã số V.10.08.27): 3 người

- Thăng hạng lên chức danh Tuyên truyền viên chính (mã số 17.177): 15 người.

IV. Danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Trên cơ sở các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch rà soát, tổng hợp

danh sách số lượng 9 viên chức đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn được dự xét thăng hạng (*Có biểu chi tiết kèm theo*).

Phần IV

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG, DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. Điều kiện, tiêu chuẩn

1. Tiêu chuẩn chung

Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức năm 2010 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng theo quy định hiện hành.

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

2. Tiêu chuẩn của từng chức danh nghề nghiệp

2.1. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Hướng dẫn viên văn hóa hạng IV, mã số V.10.07. 24 thăng hạng lên Hướng dẫn viên văn hóa hạng III, mã số V.10.07.23

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL, cụ thể như sau:

2.1.1. Nhiệm vụ:

- a) Tham gia xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung và các tài liệu hướng dẫn hoạt động phù hợp với đối tượng được giao;
- b) Trực tiếp hướng dẫn quần chúng tham gia những hoạt động của thiết chế văn hóa (các lớp năng khiếu, sinh hoạt câu lạc bộ, nhóm sở thích, tham quan, nghi lễ, biểu diễn văn nghệ và các hoạt động văn hóa cơ sở khác);
- c) Thực hành các chương trình chuyên môn, phương pháp công tác tiên tiến cho cơ sở;
- d) Tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng vào ngày lễ, hội hoặc sự kiện quan trọng; tham gia các cuộc tọa đàm, trao đổi ý kiến về chuyên môn, nghiệp vụ.

2.1.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực văn hóa cơ sở;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa.

2.1.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa cơ sở;
- b) Nắm được các hình thức và phương pháp tiến hành công tác văn hóa quần chúng và câu lạc bộ; nguyên lý sư phạm và những kỹ năng, phương pháp hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ;
- c) Có kiến thức cơ bản về công tác văn hóa cơ sở thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;
- d) Có năng lực phân tích, tổng hợp và soạn thảo các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ văn hóa cơ sở được phân công phụ trách;
- đ) Sử dụng thành thạo các phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho công tác chuyên môn;
- e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu vị trí việc làm.

2.1.4. Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên hạng III:

Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng IV hoặc tương đương từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ cao đẳng hoặc từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) đang giữ chức danh hướng dẫn viên văn hóa hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Hướng dẫn viên hạng IV, mã số V.10.01.04 thăng hạng lên Huấn luyện viên hạng III, mã số V.10.01.03

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV, cụ thể như sau:

a) Nhiệm vụ:

- Tham gia tuyển chọn năng khiếu thể thao thuộc môn thể thao chuyên sâu được phân công phụ trách.

- Xây dựng kế hoạch huấn luyện dài hạn và ngắn hạn, chương trình, giáo án huấn luyện phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý, lứa tuổi, giới tính, khả năng vận động của vận động viên.

- Trực tiếp huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật cơ bản, thể lực, rèn luyện tâm lý, ý chí, đạo đức cho vận động viên theo chương trình, kế hoạch được phê duyệt; chỉ đạo vận động viên thuộc phạm vi phụ trách tham gia các giải thi đấu thể thao.

- Phối hợp tổ chức thực hiện các quy định về bảo đảm dinh dưỡng, vệ sinh, an toàn trong tập luyện, thi đấu; chăm sóc sức khỏe, điều kiện ăn, ở, nghỉ ngơi và học tập văn hoá, chuyên môn nghiệp vụ cho vận động viên;

- Chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho vận động viên;

- Tham gia công tác nghiên cứu khoa học thể dục thể thao;

- Thống kê, lưu trữ những tài liệu liên quan đến công tác huấn luyện, thi đấu của vận động viên; định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác huấn luyện và giáo dục vận động viên;

- Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức chuyên môn ở hạng thấp hơn.

b) Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp:

- Có tinh thần trách nhiệm cao, say mê, nhiệt tình với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp; không ngừng học tập nâng cao trình độ

chuyên môn, tích cực nghiên cứu và chủ động áp dụng các thành tựu khoa học trong công tác huấn luyện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện vận động viên góp phần nâng cao thành tích thi đấu thể thao.

- Luôn là tấm gương mẫu mực về phẩm chất đạo đức và tác phong sinh hoạt; sẵn sàng vượt mọi khó khăn gian khổ vì sự nghiệp đào tạo, huấn luyện vận động viên; gương mẫu, tôn trọng, có cách ứng xử văn hoá với Ban tổ chức giải thi đấu, trọng tài, huấn luyện viên và vận động viên đội bạn; chỉ đạo vận động viên thi đấu thể thao với tinh thần cao thượng, đặt uy tín, danh dự quốc gia lên hàng đầu.

- Khách quan, có chính kiến rõ ràng và năng lực chuyên môn trong công tác tuyển chọn vận động viên; chấp hành nghiêm túc, vận dụng sáng tạo các tiêu chuẩn chuyên môn nghề nghiệp và tiêu chuẩn tuyển chọn vận động viên đảm bảo tuyển chọn được tài năng thể thao tốt nhất; thận trọng trong mọi quyết định để hạn chế tối đa những sai sót ảnh hưởng đến quá trình huấn luyện và phát triển thể lực, trí lực của vận động viên, tránh được những rủi ro nghề nghiệp.

- Làm việc khoa học, độc lập, tự chủ, không vì bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào chi phối làm ảnh hưởng đến tính trung thực, tính độc lập nghề nghiệp; tích cực đấu tranh với những hành vi tiêu cực.

- Chăm lo đến sự phát triển toàn diện của vận động viên; gắn việc đào tạo và huấn luyện chuyên môn với việc giáo dục văn hóa, các phẩm chất chính trị, đạo đức; xây dựng mối quan hệ tốt với vận động viên, hướng dẫn vận động viên tận tình, chu đáo, giúp xây dựng tập thể vận động viên đoàn kết, thân ái; giáo dục cho vận động viên lối sống, sinh hoạt hướng tới chân - thiện - mỹ; tham gia và vận động mọi người tham gia các hoạt động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vận động viên.

- Tuyệt đối tôn trọng và bảo vệ các thông tin quan trọng có ảnh hưởng đến công tác huấn luyện; giữ gìn bí mật quốc gia trong phạm vi chuyên môn của mình.

c) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Có trình độ cử nhân chuyên ngành Thể dục thể thao trở lên hoặc trường hợp tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Thể dục thể thao thì phải là vận động viên cấp 1 trở lên.

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1(A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chức danh huấn luyện viên (hạng III) (trừ trường hợp là cử nhân chuyên ngành huấn luyện thể thao).

d) Tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ:

- Nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thể dục thể thao và phát triển thể thao thành tích cao.

- Hiểu biết luật, điều lệ thi đấu để vận dụng chỉ đạo trong tập luyện, thi đấu thể thao.

- Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp giáo dục thể chất; nắm chắc các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn thể thao chuyên sâu.

- Hiểu biết các nguyên lý cơ bản về giáo dục học, tâm lý học và y sinh học thể dục thể thao và vận dụng vào công tác huấn luyện các vận động viên có lứa tuổi, giới tính, trình độ khác nhau.

- Biết kiểm tra y học thể dục thể thao và sơ cứu chấn thương cho vận động viên trong tập luyện và thi đấu thể thao.

- Có khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả công tác huấn luyện.

- Hiểu biết các quy định về phòng, chống Doping trong tập luyện và thi đấu thể thao.

2.3. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Diễn viên hạng IV, mã số V.10.04.15 thăng hạng lên Diễn viên hạng III, mã số V.10.04.14

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV, cụ thể như sau:

a) Nhiệm vụ:

- Đảm nhiệm vai diễn được phân công.

- Tìm hiểu nội dung kịch bản, nghiên cứu nhân vật được phân công, đảm nhiệm dưới sự chỉ dẫn của đạo diễn, biên đạo, huấn luyện múa, chỉ huy âm nhạc thể hiện ngôn ngữ nghệ thuật có sáng tạo.

- Thực hiện nghiêm túc các quy trình nghiệp vụ trong luyện tập, sơ duyệt, tổng duyệt và biểu diễn.

- Thâm nhập thực tế cuộc sống để nâng cao kiến thức, thể hiện chân thực vai diễn, tiết Mục.

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh diễn viên hạng III.

c) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ:

- Nắm vững quan Điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh.
- Có năng khiếu về lĩnh vực chuyên ngành.
- Nắm được kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành, đặc trưng cơ bản của các môn nghệ thuật kết hợp, kiến thức cơ bản về các môn khoa học kỹ thuật có liên quan.
- Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

d) Tiêu chuẩn về thời gian giữ ngạch dưới liền kề:

- Có thời gian giữ chức danh diễn viên hạng IV tối thiểu là 02 (hai) năm đối với trình độ cao đẳng hoặc 03 (ba) năm đối với trình độ trung cấp.

2.4. Đối với xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Hạng sĩ hạng IV, mã số V.10.08.28 thăng hạng lên Hạng sĩ hạng III, mã số V.10.08.27

2.4.1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các công trình, tác phẩm mỹ thuật có quy mô vừa và nhỏ, có độ phức tạp trung bình; thể hiện tranh, tượng, thiết kế mỹ thuật... trên một chất liệu hoặc trên các chất liệu khác nhau đảm bảo nội dung và hình thức theo sự phân công;

b) Nghiên cứu các đề tài, chuẩn bị tư liệu, tài liệu; phối hợp với những người có liên quan thống nhất ý tưởng sáng tạo, đảm bảo quy trình hoàn thành công trình, tác phẩm được giao; thực hiện các giải pháp tạo hình (hoàn thành phác thảo, thể hiện tác phẩm);

c) Xây dựng kế hoạch, đề ra biện pháp tiến hành thực hiện công trình, tác phẩm; lập dự trù kinh phí, vật tư... cho công việc sáng tác hoặc thể hiện tác phẩm.

2.4.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh hạng sĩ hạng III.

2.4.3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ:

a) Nắm được quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Nắm được các hình thức và phương pháp tiến hành sáng tác;

c) Khai thác, sử dụng thành thạo 01 chất liệu trong sáng tác, thể hiện công trình, tác phẩm;

d) Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ mỹ thuật;

d) Có khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả hoạt động mỹ thuật.

2.4.4. Viên chức thăng hạng từ chức danh họa sĩ hạng IV lên chức danh họa sĩ hạng III phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và có thời gian giữ chức danh họa sĩ hạng IV tối thiểu là 02 năm đối với trình độ cao đẳng hoặc 03 năm đối với trình độ trung cấp.

II. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Thành phần hồ sơ

Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm:

a) Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức.

b) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

d) Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định hiện hành.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

2. Về chứng chỉ tin học, ngoại ngữ

a) Chứng chỉ tin học: Sử dụng một trong các loại chứng chỉ sau:

- Công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

- Đã tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin.

b) Chứng chỉ ngoại ngữ: Việc sử dụng các loại chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hiện hành và việc quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ thực hiện theo quy định tại Công văn số 3004/UBND-KGVX ngày 30 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Điện Biên. Cụ thể:

STT	Trình độ ngoại ngữ theo QĐ 177/QĐ-TCBT ngày	Trình độ ngoại ngữ theo QĐ 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày	Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc theo TT 01/2014/TT-
------------	----------------------------------------------------	---------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------

	30/01/1993	02/12/2008	BGDDT
1	A	A1	Bậc 1
2	B	A2	Bậc 2
3	C	B1	Bậc 3
4		B2	Bậc 4
5		C1	Bậc 5
6		C2	Bậc 6

Phần V

THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG, HÌNH THỨC, NỘI DUNG XÉT THĂNG HẠNG, CÁCH XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

I. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có 06 thành viên, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng (Giám đốc Sở).
- Phó Chủ tịch Hội đồng (Phó Giám đốc phụ trách Tổ chức cán bộ, Văn phòng).
- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng (Chuyên viên Văn phòng phụ trách Chế độ chính sách).
- Các ủy viên khác của Hội đồng (Dự kiến 05 người: Phó Giám đốc Sở phụ trách lĩnh vực Thể dục thể thao; Chánh Văn phòng phụ trách Tổ chức cán bộ; Trưởng phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình; Trưởng phòng Quản lý Thể dục thể thao; Lãnh đạo Văn phòng phụ trách Kế hoạch Tài chính).

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thành lập các Ban giúp việc của Hội đồng để thực hiện công tác xét thăng hạng.

II. Hình thức, nội dung xét thăng hạng

1. Đối với viên chức chuyên ngành Văn hóa cơ sở; Nghệ thuật biểu diễn, Mỹ thuật.

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 10/2019/TT-BVHTTDL:

a) Hình thức: Thẩm định hồ sơ dự xét theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III theo quy định hiện hành.

b) Nội dung: Xem xét, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ, tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định hiện hành.

2. Đối với viên chức chuyên ngành Thể dục Thể thao

Thực hiện theo quy định tại Điều 16, 17 Thông tư số 23/2018/TT-BVHTTDL:

a) Hình thức:

- Xét hồ sơ đăng ký xét thăng hạng và kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn về trình độ hiểu biết, năng lực chuyên môn theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên hạng III.

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên huấn luyện viên hạng III được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chỉ tổ chức phiên họp khi có mặt ít nhất 75% thành viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền. Những thành viên Hội đồng vắng mặt được lấy ý kiến bằng phiếu.

b) Nội dung

- Chấm điểm hồ sơ: Đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Cách tính điểm và căn cứ chấm điểm hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 14 Thông tư Thông tư số 23/2018/TT-BVHTTDL.

- Kiểm tra, sát hạch theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên hạng III:

- + Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng quyết định thành lập Ban kiểm tra, sát hạch và tổ chức việc xây dựng đề phỏng vấn theo đúng quy định;

- + Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng tổ chức chọn đề phỏng vấn, đề phỏng vấn phải có số dư ít nhất là 01 đề so với số viên chức dự xét thăng hạng của chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên hạng III để viên chức bốc thăm;

- + Nội dung đề phỏng vấn phải căn cứ vào năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên hạng III; kết cấu đề phỏng vấn phải đảm bảo tính chính xác, khoa học. Mỗi đề phỏng vấn được chấm theo thang điểm 100, phải có đáp án và thang điểm chi tiết. Đề phỏng vấn phải được đóng trong phong bì, niêm phong và bảo quản theo chế độ tài liệu mật; việc giao nhận, mở đề phỏng vấn đều phải lập biên bản theo quy định;

- + Mỗi viên chức dự thi phỏng vấn được 02 thành viên chấm thi độc lập. Nếu điểm của 02 thành viên chấm chênh lệch nhau từ 10% trở xuống so với điểm tối đa thì lấy điểm bình quân, nếu chênh lệch trên 10% so với điểm tối đa thì 02 thành viên chấm phỏng vấn trao đổi để thống nhất, nếu không thống nhất được thì chuyển 02 kết quả lên Trưởng ban kiểm tra, sát hạch để báo cáo Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng xem xét, quyết định;

- + Kết quả chấm phỏng vấn phải được tổng hợp vào bảng kết quả có chữ ký của các thành viên chấm và bàn giao cho Trưởng ban kiểm tra, sát hạch.

- Tổng hợp kết quả xét tuyển:

- + Sau khi tổ chức kiểm tra, sát hạch, Trưởng ban kiểm tra, sát hạch bàn giao kết quả phỏng vấn của các thí sinh dự xét tuyển cho Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng xét tuyển;

+ Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng xét tuyển có trách nhiệm tổng hợp kết quả xét tuyển của các thí sinh trên cơ sở điểm chấm hồ sơ và điểm phỏng vấn để báo cáo Hội đồng xét tuyển.

III. Xác định người trúng tuyển

1. Đối với viên chức chuyên ngành Văn hóa cơ sở; Nghệ thuật biểu diễn, Mỹ thuật.

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 10/2019/TT-BVHTTDL:

a) Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III phải có đủ hồ sơ theo quy định và kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ đạt từ 50 điểm trở lên theo thang điểm 100.

b) Không bảo lưu kết quả các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Đối với viên chức chuyên ngành Thể dục Thể thao

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 23/2018/TT-BVHTTDL:

a) Có đủ hồ sơ theo quy định.

b) Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm và điểm phỏng vấn phải đạt từ 55 điểm trở lên.

c) Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thông báo tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét chậm nhất sau 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm hoàn thành kỳ xét thăng hạng.

d) Viên chức không trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

e) Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng báo cáo người có thẩm quyền xem xét quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng.

Phần VI

THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THỰC HIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. Thời gian, địa điểm

1. Thời gian: Trong Quý IV năm 2022.

2. Địa điểm: Phòng họp số 01, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Tầng 5 - Nhà D – Trung tâm Hành chính Chính trị tỉnh Lai Châu - phường Tân Phong - thành phố Lai Châu - tỉnh Lai Châu.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thực hiện đúng Nội dung Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đã xây dựng và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuân thủ đầy đủ các quy trình, thủ tục về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo các quy định của pháp luật.

3. Căn cứ kết quả xét thăng hạng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo quy trình tổ chức xét thăng hạng, kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022 về Sở Nội vụ xem xét, quyết định bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển.

Trên đây là Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Lương Chiến Công